

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHẠM TRÙ “HIẾU” TRONG NHO GIÁO SƠ KỲ

TRẦN THỊ LAN HUONG(*)

TRIỆU QUANG MINH(**)

Bài viết trình bày bốn nội dung cơ bản của phạm trù hiếu trong Nho giáo sơ kỳ. Thứ nhất, về nuôi dưỡng, kính trọng cha mẹ, Khổng Tử và các học trò của ông đều cho rằng, trong sự báo hiếu của người con đối với cha mẹ, nuôi dưỡng phải đi liền với kính trọng. Thứ hai, giữ gìn thân thể mình để người chi hướng của ông cha cũng là sự báo hiếu các bậc sinh thành. Thứ ba, làm con thì phải vâng lời cha mẹ, nhưng khi cha mẹ sai lầm thì con cũng phải biết can ngăn. Thứ tư, hiếu không chỉ thể hiện ở lòng kính yêu khi cha mẹ còn sống, mà còn thể hiện ở lòng tiếc thương và việc hành lễ không cầu thái, không thái quá của người con khi cha mẹ qua đời.

Hiếu thường, Nho giáo từ Khổng Tử đến Mạnh Tử, Tuân Tử được gọi là Nho Tiên Tần, Nho giáo nguyên thủy hay Nho giáo sơ kỳ, để phân biệt với các biệt phái của Nho giáo về sau, như Hán Nho, Tống Nho, Minh Nho... Nho giáo sơ kỳ bàn nhiều về hiếu đễ và cũng tốn nhiều công phu để giảng giải, định rõ nội dung của hiếu, nhưng không đưa ra một định nghĩa chung. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà nội dung của hiếu được giảng giải khác nhau. Song, tựu trung lại, hiếu trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ có những nội dung cơ bản sau:

1. Nuôi dưỡng, kính trọng cha mẹ

Thời Tây Chu, hiếu chủ yếu được dùng như một phạm trù của tôn giáo để chỉ việc thực hiện những nguyên tắc thờ cúng tổ tiên và duy trì được nòi giống nối dõi tông đường. Đến thời Khổng Tử, ý nghĩa tôn giáo của hiếu được đem gắn liền với ý nghĩa luân lý, đạo đức gia tộc. Cùng từ đây trở đi, các quan hệ, phạm trù đạo đức (trong đó có quan hệ cha mẹ - con cái, phạm trù hiếu) thường bị chính trị hoá. Các nhà cầm quyền thường khôn khéo chuyển hiếu thành trung để biến trung, hiếu thành công cụ phục vụ cho nền thống trị của mình. Nhìn chung, trong xã hội

phong kiến lúc bấy giờ, hiếu đạo, với nội hàm rộng hơn bản chất của chính nó, được coi là cơ sở tinh thần của xã hội, duy trì sự ổn định của chế độ gia tộc.

Đến thời Xuân thu - Chiến quốc, chế độ tông pháp Tây Chu tan rã khiến cho vị trí và quyền lực của đại tông bị giảm đi, vị trí độc lập của tiểu gia đình được xác lập, phụ quyền trong tiểu gia đình được đề cao. Bên cạnh đó, ý thức xã hội cũng đã phần nào được lý tính hoá, con người không còn quá lệ thuộc, sợ hãi các yếu tố siêu nhiên, quý thần một cách mù quáng. Chịu ảnh hưởng của điều kiện xã hội đó, tuy Khổng Tử không bác bỏ, phủ định hoạt động tế tổ tông theo nghĩa hiếu đạo là truy hiếu, song ông coi đạo hiếu trước hết là luân lý gia đình và việc phụng dưỡng cha mẹ là tất yếu theo đúng chuẩn mực luân lý đạo đức.

Khổng Tử và các học trò của ông đều khẳng định rằng, trách nhiệm của người làm con là phải phụng dưỡng cha mẹ, nhưng nuôi mà không kính thì không phải là báo hiếu. Cho nên, trong thiên *Vì chính*, khi Tử Du hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử nói: “Ngày nay, thấy ai có thể nuôi

(*) Thạc sĩ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

(**) Thạc sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I.

đường được cha mẹ, thì người ta gọi là có hiếu. Nhưng đến như giống chó ngựa thì người ta cũng nuôi được vậy. Cho nên nếu không có lòng hiếu kính cha mẹ trong khi nuôi dưỡng, thì nuôi cha mẹ và nuôi chó ngựa có gì khác nhau?”(1). Nghĩa là, đối với cha mẹ, người có công sinh thành dưỡng dục mình, người con phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ khi cha mẹ già yếu. Nhưng, việc thực hiện trách nhiệm ấy phải gắn liền với một tâm ý kính trọng. Đó cũng là điểm khác biệt giữa cách đối xử của con người với con người và con người với con vật. Cách so sánh có phần thẳng thắn này của Khổng Tử không hề làm giảm ý nghĩa của việc nuôi dưỡng, kính trọng cha mẹ, mà còn làm cho việc thực hành đạo hiếu theo đúng nghĩa của nó trở nên rất thực. Sự thống nhất giữa hành động và tư duy khiến cho việc làm tròn đạo hiếu không đơn thuần là hoàn thành trách nhiệm, mà hơn thế, đó là một việc xuất phát từ tình cảm yêu thương, trân trọng của người con đối với cha mẹ. Việc Khổng Tử gắn liền nét hiếu với nét lễ (kính trọng) cho thấy ông rất đề cao cái gốc để làm người. Tất nhiên, theo tư tưởng của Khổng Tử, kính không chỉ là kính trọng cha mẹ, mà còn là kính nhường bậc huynh trưởng, tức người lớn tuổi hơn mình. Song, chỉ riêng tư tưởng gắn kết việc nuôi dưỡng với việc kính trọng cha mẹ của Khổng Tử cũng đã đủ để khiến cho những người làm con phải suy ngẫm lại sự đối xử của mình đối với cha mẹ.

Không những thế, trong quan niệm của Khổng Tử, mỗi người con đều phải thấy được rằng, việc nuôi dưỡng, kính trọng cha mẹ hoàn toàn không phải và không thể là một hành động nhất thời, bề ngoài, mà đó là việc tự giác thực hiện trong một quá trình lâu dài. Về điểm này, khi Tử Hạ hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử nói: “Điều

khó nhất là con cái đối với cha mẹ có giữ được vẻ hoà vui mãi mãi hay không. Chú còn như có việc gì cần làm, con cái làm thay cho cha mẹ, có gì ngon thì mời cha mẹ ăn, đây chắc gì đã là có hiếu?”(2). Như vậy, có thể thấy, với xuất phát điểm mang yếu tố duy vật nhưng không hề siêu hình, cực đoan, Khổng Tử yêu cầu người làm con vốn phải có tâm hiếu để thực hành đạo hiếu như một lẽ tất nhiên trong suốt cuộc đời. Đáng tiếc là, các thế hệ nhà Nho về sau ít chú ý đến yêu cầu này, mà thường nặng về thực hành lễ nghi đối với cha mẹ theo những quy tắc, chuẩn mực đã có.

Manh Tử đã nhất quán và tiếp tục phát triển hàm ý trên của Khổng Tử trong luận thuyết của mình với việc ông đưa ra năm điều coi là bất hiếu, đó là: “Tay chân chẳng chịu cử động mà làm bất cứ việc gì để chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi già yếu, đó là điều bất hiếu thứ nhất. Ham mê cờ bạc rượu chè mà quên mất việc chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi già yếu, đó là điều bất hiếu thứ hai. Chạy theo của cải, chỉ biết lo cho vợ con mà quên mất việc chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ ba. Thích đàn hát, hám sắc đẹp mà làm những việc để cha mẹ bị nhục nhã, đó là điều bất hiếu thứ tư. Thích đánh nhau và tranh đấu bạo tợn mà khiến cha mẹ bị tổn thất nguy hại, đó là điều bất hiếu thứ năm”(3). Theo đó, việc không nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ được Mạnh Tử chỉ ra trước hết và coi là điều bất hiếu số một. Bên cạnh đó, mặc dù không trực tiếp khẳng định về “kinh” của vấn đề, nhưng trong sách Mạnh Tử, chương 9, *Vạn chương chương cú thượng*, Mạnh Tử cũng khẳng định: “Cái chỗ chí của người

(1) Trần Trọng Sấm, Kiều Bách Vũ Thuận (biên dịch). *Tứ thư*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.127.

(2) *Sđđ.*, tr.127-128.

(3) *Sđđ.*, tr.689.

con không gì lớn bằng làm cho cha mẹ được tôn trọng, không gì lớn bằng đem cả thiên hạ ra mà phụng dưỡng cha mẹ”(4). Về sau, Tuân Tử cũng thẳng thắn nhấn mạnh: “cảm thú có cha con mà không có tình phụ tử, có giống đực giống cái mà không có nghĩa lứa đôi. Cho nên đạo làm người là phải biết biện biệt”(5).

Như vậy, có thể thấy, cả Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử đều nhấn mạnh đến “tính nhân” để phân biệt ranh giới, đẳng cấp, cũng như sự gắn liền giữa hai yếu tố: con và người. Nếu việc báo hiếu cha mẹ chỉ dừng ở nuôi dưỡng với tôn chỉ cốt cho ăn no, ăn ngon, thì mới chỉ là chạm tới được biên của nghĩa vụ, chứ chưa đến được với bản chất người đích thực. Tuy nhiên, để có thể phụng dưỡng và kính trọng cha mẹ thì theo Khổng Tử, khi “cha mẹ già còn sống” người con “không được đi chơi xa”, “nếu có đi thì phải nói rõ nơi nào cụ thể”(6). Tuy yêu cầu này không được đặt thành một nội dung riêng biệt, nhưng lại có tính chất chi phối mạnh mẽ đối với hành động của các nhà Nho. Về cơ bản, Nho giáo sơ kỳ yêu cầu phụng dưỡng cha mẹ đi phải báo, về phải vào trình để cha mẹ được biết và cũng là để vấn hỏi cha mẹ xem người có điều gì cần dặn hay không. Quan điểm này có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, nhưng về sau, các nhà Nho lại thường hiểu là khi cha mẹ còn sống, phụng dưỡng con giữ chữ hiếu không được đi xa. Chính vì vậy, nó lại trở thành một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của con người, đôi khi lại là cái cớ để người ta lẩn tránh trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

2. Giữ gìn thân thể mình để nối chí hướng của ông cha

Giữ gìn thân thể mình để nối chí hướng của ông cha cũng là thể hiện sự hàm ơn đối với các bậc sinh thành. Nội dung này xuất phát từ sự sùng kính đối

với cái đức sinh sôi, tiếp nối và coi trọng cái gốc của người Trung Hoa. Theo đó, sinh mệnh của người con là do cha mẹ trao cho. Người con có trách nhiệm quý trọng bản thân mình và tiếp nối quá trình sinh thành mà ông cha đã tạo dựng được.

Theo *Hiếu kinh*, từ hình hài đến tóc, da của người con đều là của mẹ cha cho và do vậy, người con phải có trách nhiệm giữ gìn thân thể mình. Sau này, khi phát triển quan điểm đó của Khổng Tử, Mạnh Tử, trong chương *Ly lâu chương cú thượng*, cho rằng: “Trong các việc cần phụng sự thì việc nào là quan trọng nhất? Việc phụng sự cha mẹ là quan trọng nhất. Trong những việc phải giữ gìn thì việc nào là quan trọng nhất? Việc giữ gìn thân thể của mình là quan trọng nhất... Kẻ chẳng biết giữ gìn, lại còn huỷ hoại thân thể mình cho đến mang bệnh vương tật, thế mà lại có thể phụng sự cha mẹ chí hiếu, điều này ta chưa từng được nghe nói bao giờ”(7). Rõ ràng, hiếu theo nghĩa này khác hẳn với những câu chuyện “ngu hiếu”, như xẻo thịt đùi, khóc măng, nằm băng... mà hậu Nho về sau thường viện dẫn ra để làm tấm gương hiếu. Bên cạnh đó, quan điểm này còn thể hiện tính nhân văn, tấm lòng của cha mẹ đối với con cái, bởi theo Khổng Tử: “Làm cha mẹ chỉ lo sợ con mang bệnh tật mà thôi”(8). Cha mẹ không yêu cầu người con thực hành đạo hiếu phải hy sinh thân thể mình, càng không cho phép người con tự coi rẻ bản thân. Thân thể là cha mẹ cho mình, nâng niu chăm bẵm từ tấm bé, người con phải giữ gìn thân thể của mình, đó là tiền đề không thể thiếu để người con tồn tại và thực hiện đạo hiếu.

(4) *Sđđ.*, tr.710.

(5) Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi. *Tuân Tử*. Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr.236.

(6) Xem: Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận (biên dịch). *Sđđ.*, tr.176.

(7) *Sđđ.*, tr.668.

(8) *Sđđ.*, tr.127.

Quan niệm của Nho giáo sơ kỳ coi giữ gìn thân thể là một nội dung của hiếu đạo mang yếu tố duy vật và cho thấy tính biện chứng sâu sắc. Theo chuỗi biện chứng vô cùng ấy, xuất phát điểm của tồn tại cũng chính là tồn tại trong quá trình sinh thành. Chính vì vậy, đạo hiếu quy định người con không chỉ phải quý trọng sinh mệnh của mình, mà còn phải có trách nhiệm tiếp nối sinh mệnh của tổ tiên. Về sau, hàm ý tiếp nối sinh mệnh bằng cách sinh con nối dõi được tách ra thành một nội dung độc lập. Do đó, giữ gìn thân thể mình được xem là cái gốc của sinh thành, theo nghĩa duy trì tồn tại riêng để nối tiếp chí hướng sự nghiệp chung của tổ tiên.

Theo Khổng Tử, khi người cha còn sống thì quan sát chí hướng của người con, khi người cha chết thì quan sát hành vi của người con. Nếu ba năm sau khi cha mất, người con không thay đổi những quy tắc của đạo làm con đối với cha, như vậy được gọi là người con có hiếu vậy(9). Tức là, phận làm con, lúc cha còn sống thì nhất định phải xem cái chí hướng đó và cố gắng hoàn thành sự nghiệp mà cha ông khởi dựng. Khi cha mất đi, nếu người con có định thay đổi gì thì nhất định cũng phải đợi hết ba năm tang chế, trước là tỏ lòng hiếu kính với cha, sau là có thời gian để định hình sự thay đổi cho cần thận. Nhưng, người đời sau ít bàn về ý này của Khổng Tử, mà thường nhấn mạnh đến việc làm con phải thi được ra làm quan để làm tôn trọng, rạng danh cho cha mẹ; nghĩa là, làm cho cha mình từ làm cha của một người thường trở thành làm cha của quan to, thậm chí trở thành làm cha của thiên tử, là cách báo hiếu trọn vẹn nhất.

Một mặt, quan niệm này của Nho giáo sơ kỳ có tác dụng khuyến khích mọi người ra sức học tập, phấn đấu để được dương danh hiển thân; *mặt khác*, nó tạo ra xu hướng

trọng chức tước, quyền lực, ít gắn vào bản chất của việc thực hành đạo hiếu theo đúng nghĩa.

3. *Can ngăn cha mẹ khi họ sai lầm*

Các nhà Nho sơ kỳ cho rằng, làm con thì phải vâng lời cha mẹ, nhưng không yêu cầu thực hành hiếu một cách thụ động, cứng nhắc, một chiều. Cũng giống như trung với vua phải biết nghe theo vua, vạ dãn vua đi theo nhân chính, người con có hiếu phải biết vâng lời cha, che lỗi cho cha, nhưng cũng phải biết can ngăn cha để tránh sai lầm. Điều đó được coi là hợp đạo. Bởi thế, khi Diệp Công - Công sai tri huyện Diệp, nước Sở, kể chuyện một người cha bắt trộm dê, con đi tố cáo, coi đó là tẩm gương ngay thẳng, Khổng Tử không đồng ý và cho rằng, tính ngay thẳng đã ngu trong việc cha dẫu lỗi cho con, con dẫu lỗi cho cha. Nhưng, trong sách *Hiếu kinh*, *chương 15*, *Gián tránh* (Can ngăn) lại nhắc nhở: “Tòng phụ chi lệnh, hựu an đắc vi hiếu hồ”(10). Nghĩa là, con theo cha chưa chắc đã là hiếu. Vậy phải chăng tư tưởng của Khổng Tử có mâu thuẫn? Thật ra, tư tưởng Khổng Tử về việc đối nhân xử thế rất biện chứng, linh động, mềm dẻo. Theo đó, người con hiếu thảo nghĩa là phải tùy trường hợp, hoàn cảnh mà thực hiện đạo hiếu theo các quy tắc, chuẩn mực đã có, chứ không phải nhất nhất vâng theo lời cha. Nói cách khác, các nhà Nho sơ kỳ cho rằng, làm con thì phải vâng lời cha mẹ theo đúng nguyên tắc của “kính”, nhưng không yêu cầu thực hành hiếu một cách thụ động, cứng nhắc, một chiều. Người con có hiếu ngoài việc vâng lời cha còn phải biết can ngăn, chỉ về để cha tránh sai lầm, tránh mang tiếng bất nghĩa vào thân. Điều đó được coi là hợp đạo.

(9) Xem: *Sđd*, tr.115.

(10) Đoàn Trung Con, Huyền Mạc Đạo Nhơn (dịch). *Hiếu kinh*. Nxb Tổng hợp, Đồng Nai, 2003, tr.78.

Về sau, Tuân Tử giải thích kỹ hơn ý của Khổng Tử về việc con không theo mệnh cha như sau: “Tòng mệnh tắc thân nguy, bất tòng mệnh tắc thân an, hiếu tử bất tòng mệnh nãi chung; tòng mệnh tắc thân nhục, bất tòng mệnh tắc thân vinh, hiếu tử bất tòng mệnh nãi nghĩa; tòng mệnh tắc cảm thú, bất tòng mệnh tắc tu sức, hiếu tử bất tòng mệnh nãi kính”(11). Nghĩa là, có ba trường hợp con không vâng mệnh cha: *một là*, vâng mệnh thì người thân nguy, không vâng mệnh thì người thân yên. Gặp trường hợp này, người con hiếu không vâng mệnh là đúng. *Hai là*, vâng mệnh thì người thân nhục, không vâng mệnh thì người thân vinh. Gặp trường hợp này, người con hiếu không vâng mệnh là nghĩa. *Ba là*, vâng mệnh thì không khác gì loài cảm thú, không vâng mệnh thì hợp lễ giáo. Gặp trường hợp này, người con không vâng mệnh là kính. Nói cách khác, có những việc nên tòng mà bất tòng là bất hiếu, không nên tòng mà tòng thì dẫn đến bất chung (không đúng). Trong ba trường hợp cụ thể trên, người con không theo mệnh cha lại là: *đúng, nghĩa, kính*.

Về lý và về tình, con phải vâng lời cha mẹ, nhưng nếu vâng lời một cách thụ động, cứng nhắc, theo cả ý sai, gây ảnh hưởng đến cả cha mẹ thì lại là hại cha mẹ. Chính vì vậy, bản thân người con cũng phải luôn cố gắng học hỏi để có kiến thức phân biệt các hành động đúng sai, phải trái. Chỉ khi nhận thức được đúng bản chất vấn đề thì người con mới biết nên vâng mệnh cha, hay con ngăn cha. Mặc dù đây là quan điểm tích cực, có tính hai chiều, mềm dẻo và bao hàm yếu tố dân chủ của Nho giáo sơ kỳ, nhưng có thể thấy, khi được triển khai trên thực tế thì tính phục tùng của người con đối với cha mẹ vẫn được yêu cầu nặng hơn. Chẳng hạn, khi cha sai thì người con phải hết mực khuyên

can, nhưng nếu khuyên không được thì phải kính mà không được trái, nếu cha mẹ có giận mà bất chịu khổ sở cũng không được oán thán. Đây cũng có thể coi là một trong những nguyên nhân khiến cho Nho giáo thường bị nhìn nhận gắn với tính gia trưởng, bảo thủ, một chiều nhiều hơn là với tính tiến bộ, linh hoạt, biện chứng trong việc xử lý các mối quan hệ xã hội.

4. *Tế tử theo lễ, không cầu thả, không thái quá*

Theo quan điểm của Nho giáo sơ kỳ, lòng kính yêu đối với cha mẹ là gốc của hiếu. Nhưng, hiếu không chỉ thể hiện ở lòng kính yêu khi cha mẹ còn sống, mà còn thể hiện ở lòng tiếc thương và việc hành lễ khi cha mẹ qua đời. Về việc này, “có lần Tử Cống hỏi: Người chết rồi có biết gì nữa không? Khổng Tử trả lời: Nếu ta nói người chết rồi mà còn biết thì sợ những con cháu hiếu thảo liệu chết theo ông cha; nếu ta nói người chết rồi mà không biết gì thì sợ con cháu bất hiếu, cha mẹ chết bỏ không chôn”(12). Nghĩa là, cái quan trọng không phải là cố công tìm xem người chết đã sang thế giới bên kia còn biết gì về thế giới này hay không, mà vấn đề là việc hành lễ của con cháu sau khi cha mẹ qua đời. Khổng Tử coi việc con cháu tiễn cha mẹ sang thế giới khác là cử chỉ hiếu thuận, nhưng ông cũng luôn nhắc nhở rằng, mọi việc đều không được thái quá, bất cập, chẳng hạn: không ăn mặc đẹp đẽ, loè loẹt; không khóc lóc ni non; không lựa điều vãn vè để nói...; cũng không vì thương cha mẹ mất mà không coi trọng bản thân, bỏ ăn, bỏ ngủ ba ngày. Quan niệm này thống nhất với nội dung yêu cầu người con hiếu thảo phải biết trân trọng bản thân mình, đồng thời cũng thể

(11) Nguyễn Hiến Lê, *Giản Chi. Tuân Tử*. Sđd., tr. 159.

(12) Xem: Trần Trọng Kim. *Nho giáo trọn bộ*. Nxb Văn học, Hà Nội, 2003, tr.62.

hiện một trong những đặc điểm chung của triết thuyết Trung Hoa cổ đại là coi trọng sự cân bằng, hài hoà, phản đối mọi sự phá cách, vượt ngưỡng.

Sau đó, Mạnh Tử phát triển quan điểm của Khổng Tử và nhấn mạnh rằng, việc phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn sống chưa đáng kể là việc lớn lao của kẻ làm con, mai táng cha mẹ trong con tử biệt mới là việc trọng đại hơn hết của người con có hiếu. Giống Mạnh Tử, Tuân Tử cũng cho rằng, tế tự là tỏ cái tình ý, tưởng nhớ, hâm mộ cái lòng trung tín, kính ái rất mực, là nghi lễ giải bày lòng trung thành, cung kính một cách trang trọng nhất và do đó, cần thờ người chết như thờ người sống, suy từ lòng thờ người sống mà tổng táng người chết, không coi chết khác sống, không coi mất khác còn, cho sự chấm dứt với bắt đầu là một. Đó chính là cái nghi thức để hoàn thành đạo làm người. Để tỏ cái tình của người sống đối với người chết, cần làm cho sự chết thêm phần trang trọng.

Như vậy, nếu ở Khổng Tử, vấn đề đưa tiễn người đã khuất cũng là một trong những cách thể hiện đạo hiếu và đi liền với đó, Khổng Tử cũng nhắc nhở đưa ma là sự bất thường, cho nên tránh ăn mặc đẹp, không khóc lóc vật vã, không tấu nhạc ồn ào, càng không được vì đau xót mà không thiết đến tấm thân mình..., thì các học trò của ông lại thường làm cho việc “thờ thác” thành rườm rà, cứng nhắc, thậm chí còn vượt quá giới hạn ba năm, khiến cho việc thực hành đạo hiếu theo nghĩa này trở thành quy định khắt khe đến khắc nghiệt, gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc.

Thực hành đạo hiếu theo quan điểm của Nho giáo sơ kỳ thay đổi tùy nơi, tùy lúc, song luôn được đặt ở vị trí quan trọng nhất. Tuy nhiên, chữ hiếu ở đây chủ yếu nói về đạo hiếu của đấng nam nhi, chứ không phải đạo hiếu chung cho tất cả mọi người; hiếu chủ yếu là với cha, chứ không

phải với cả mẹ... Thành ra, quan điểm của Nho giáo sơ kỳ về hiếu vẫn thể hiện nhiều tính đẳng cấp và thái độ trọng nam khinh nữ. Không những thế, theo quan niệm của Nho giáo sơ kỳ, “bất hiếu có ba điều, trong đó không có người nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất”(13). Những nội dung này vẫn còn tồn tại và có một ảnh hưởng không nhỏ trong xã hội ngày nay và là một trong những nguyên nhân căn bản làm giảm linh tích cực, nhân đạo của phạm trù hiếu nói riêng và của Nho giáo sơ kỳ nói chung.

Mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau về “công” và “tội” của Nho giáo trong lịch sử, song gạt sang một bên những mặt hạn chế nhất định, quan niệm về hiếu của Nho giáo sơ kỳ đã thực sự để lại những giá trị đáng trân trọng, vượt thời gian. Trong khi đó, “Đối với người Việt Nam, Nho giáo còn hơn là một học thuyết ghi chép trong sách của thánh hiền; đó là một di sản của lịch sử, một di sản cơ bản để tiếp thu, để chống lại, để vượt qua trong quá trình chuyển biến lịch sử mà đất nước đang phải trải qua trong thời đại hiện nay”(14). Sự khẳng định này có thể chưa thật sự thoả đáng, song rõ ràng, việc trở lại nghiên cứu và khai thác sâu hơn những nội dung cơ bản của phạm trù hiếu trong Nho giáo sơ kỳ nói riêng và Nho giáo nói chung không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc đối với sự phát triển của xã hội Việt Nam hiện đại - một xã hội đang phải đối mặt với không ít vấn đề nan giải, mà để trả lời được những vấn đề đó thì rất cần phải trở lại với những giá trị nhân tính cơ bản để làm người. Trong bảng giá trị nhân tính đó, đức hiếu vẫn luôn được coi là điểm xuất phát và cũng là chuẩn mực để đánh giá những giá trị khác.□

(13) Trần Trọng Sấm, Kiều Bách Vũ Thuận (biên dịch). *Tứ thư. Sđđ.*, tr.670.

(14) Nguyễn Khắc Viện. *Bản về đạo Nho*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.4.